

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - THANH HOÁ

Số:198/2026/QĐCNTTLH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH
LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 397, Điều 212, Điều 213, Khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 6, khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và mục 1 Điều I phần B danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 276/2026/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Anh [Hoàng Văn L](#), sinh năm 1983; CCCD số: 038083023235
Cư trú tại: SN 03 Ngõ 5, phố Hồ Nguyên Trừng, Thôn Trang Các (nay là thôn Phong Trang), xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá
2. Chị [Hoàng Thị H](#), sinh năm 1995; CCCD số: 015195000102
Cư trú tại: [thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa](#)
Chỗ ở hiện nay: [Thôn L, xã K, tỉnh Lào Cai](#)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh [Hoàng Văn L](#) và chị [Hoàng Thị H](#) đến với nhau tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, có đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, huyện H \(nay là xã H\), tỉnh Thanh Hóa](#) năm 2016. Quá trình chung sống vợ chồng hoà

thuận hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và không còn tình cảm với nhau nên từ sau khi cai sữa cho con chị [H](#) đã bỏ về nhà mẹ đẻ. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung với nhau nữa nên hai bên cùng đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Thanh Hoá công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh [Hoàng Văn L](#) và chị [Hoàng Thi H](#).

[2] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có một con chung là [Hoàng Bảo K](#) (nam), sinh ngày 05/8/2016. Sau khi ly hôn hai bên thỏa thuận giao cháu [K](#) cho anh [L](#) trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động, chị [H](#) không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh [L](#).

[3] Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh [Hoàng Văn L](#) nộp 150.000 đồng, chị [Hoàng Thi H](#) nộp 150.000 đồng. Hai bên thỏa thuận anh [L](#) nộp thay lệ phí ly hôn cho chị [H](#).

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:
- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh [Hoàng Văn L](#) và chị [Hoàng Thi H](#).

--- Về con chung: Vợ chồng thống nhất giao con chung của vợ chồng là cháu [Hoàng Bảo K](#) (giới tính: nam), sinh ngày 05/8/2016 cho anh [L](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, chị [H](#) không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh [L](#).

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh [Hoàng Văn L](#) và chị [Hoàng Thị H](#) mỗi người nộp 150.000 đồng (một trăm, năm mươi nghìn đồng). Hai bên thỏa thuận anh [L](#) nộp thay lệ phí ly hôn cho chị [H](#) được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) người đại diện theo uỷ quyền của anh [L](#) (anh [Tô Minh T](#)) đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 6 - Thanh Hoá theo biên lai thu số: 0000643 ngày 20/7/2026. Như vậy, anh [L](#), chị [H](#) đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6;
 - Dương sự;
 - UBND xã Hà Trung,
- tỉnh Thanh Hóa (ĐK 11/4/2016);
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
 - Tòa án tỉnh Thanh Hóa;
 - Lưu hồ sơ. **TỔNG THỊ HÀ**

THẨM PHÁN